

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).
2. Bà Quách Thị H. Địa chỉ: Xóm B, thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2017 và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là ông Phạm Văn P và bà Ninh Thị D trình bày:

Sau khi ông hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương, ngày 13/3/1994, bố đẻ của ông là Phạm Văn L đã làm đơn xin đất ở làm nhà cho ông. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã duyệt cấp cho ông diện tích 1.036m² đất tại thửa số 98 thuộc tờ bản đồ số 4 (nay là thửa số 522, tờ bản đồ số 29) trong đó đất ở là 300m², còn lại là đất sản xuất. Nguồn gốc của diện tích 1.036m² đất nêu trên là của bà Quách Thị H, nhưng gia đình bà H đã bỏ đi Miền Nam để đất hoang không ai sử dụng (có xác nhận của Ban kế hoạch Hợp tác xã T).

Ngày 31/3/1994, ông đã nộp tiền để mua diện tích 1.036m² đất (có Phiếu thu tiền số 26 của UBND xã Q). Sau đó, gia đình ông đã làm nhà, sinh sống và canh tác trên diện tích đất đến nay, hàng năm ông nộp đầy đủ tiền thuế đất cho địa phương.

Ngày 10/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 985/QĐ- UBND “về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa”, nội dung: Thu hồi một phần diện tích 686,9m² tại tờ bản đồ số 29, thửa đất số 522 của hộ ông Phạm Văn P, xóm A xã Q, huyện T giao lại cho gia đình bà Quách Thị H.

Ông, bà không đồng ý với Quyết định số 985/QĐ-UBND của UBND huyện T vì gia đình ông, bà đã bỏ tiền mua đất và đóng thuế sử dụng đất đầy đủ từ năm 1994 đến nay, trong khi gia đình bà H đã bỏ đất hoang vào Miền Nam sinh sống, không đóng thuế đất, không kê khai sử dụng đất. Việc thu hồi đất của ông, bà để giao trả lại cho gia đình bà H là không có căn cứ pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

Ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện T “Về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa” (sau đây gọi là Quyết định 985) để bảo vệ quyền sử dụng đất hợp pháp của ông, bà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P và bà D bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T (sau đây gọi là Quyết định 317). Vì, quyết định này có cùng nội dung giải quyết tranh chấp diện tích đất tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29.

Người bị kiện là UBND huyện T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án không có văn bản ý kiến, chỉ cung cấp các tài liệu sau:

- Trích bản đồ 299 xã Q;
- Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T.
- Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện T về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T.
- Biên bản làm việc ngày 19/6/2017 của UBND huyện T, UBND xã Q và gia đình ông P, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Quách Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Vợ chồng bà sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện T trên diện tích đất 1.032m² tại thửa số 522, tờ bản đồ số 29. Năm 1970, chồng bà mất. Do cuộc sống quá khó khăn nên năm 1989 bà cùng 05 người con vào huyện B, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Khu nhà đất trên con trai bà là anh Đinh Văn R mới lập gia đình nên ở lại trông coi. Năm 1992, anh R cũng muốn vào Lâm Đồng làm ăn, bà dặn anh R bán căn nhà lấy tiền đi đường còn diện tích đất của tổ tiên nên không được bán mà gửi ông Ninh Quốc T (vừa là người nhà, vừa sống gần mảnh đất) trông coi hộ.

Năm 1994, ông Phạm Văn L là bố đẻ của anh Phạm Văn P làm đơn xin Ủy ban nhân dân xã Q cấp đất ở cho anh P tại thửa đất của gia đình bà.

Năm 2015, bà và các con về quê làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được trả lời do gia đình bà đi vào Nam không có giấy tờ giao đất cho ai nên Ủy ban nhân dân xã Q đã giải quyết cho anh P 300m² đất ở, diện tích đất còn lại giao cho anh P thuê và nộp thuế hàng năm cho Nhà nước. Bà làm đơn đến UBND xã và UBND huyện đề nghị giải quyết đất ở cho gia đình theo hướng đồng ý cắt lại cho gia đình anh P 300m² đất ở mà trước đây UBND xã giải quyết cho anh P, diện tích đất còn lại trả cho gia đình bà. Nhưng, anh P không đồng ý và khởi kiện các Quyết định giải quyết khiếu nại và thu hồi đất của UBND huyện T. Bà đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu của ông P theo pháp luật.

+ UBND xã Q, huyện T: Không cung cấp tài liệu, không có ý kiến và không tham gia các hoạt động tố tụng theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P và bà Ninh Thị D về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 317/UBND-QĐ ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T.

- Hủy Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện T về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 13/3/2019, người khởi kiện là ông Phạm Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa và giải quyết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Ông nhất trí với luận cứ trình bày của NBV cho vợ chồng ông.

Bà Ninh Thị D nhất trí với trình bày của ông P và nhất trí với luận cứ trình bày của NBV cho vợ chồng bà.

- NBV cho ông P bà D trình bày:

Diện tích đất 1.036m² đất tại thửa số 98 thuộc tờ bản đồ số 4 (nay là thửa số 522, tờ bản đồ số 29) là gia đình ông P đã mua và được thể hiện tại phiếu thu số 26 ngày 31/3/1994 của Phòng tài chính vật giá là 270.000 đồng. Gia đình ông P đã làm nhà trên đất và quản lý sử dụng từ năm 1994 đến nay và trong quá trình sử dụng không có tranh chấp. Theo bản đồ 299 diện tích đất nêu trên không thể hiện tên của gia đình nhà bà H. Do đó, ông P làm đơn xin cấp đất và được cấp đổi diện tích đất nêu trên là phù hợp. Gia đình nhà bà H đi Miền Nam và cho rằng giao diện tích đất này cho người thân trông coi hộ nhưng cũng không có căn cứ, quá trình rất dài gia đình bà H không sử dụng đất và nộp thuế đất.

Ngày 10/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 985/QĐ- UBND “về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa”, nội dung: Thu hồi một phần diện tích 686,9m² tại tờ bản đồ số 29, thửa đất số 522 của hộ ông Phạm Văn P, xóm A xã Q, huyện T giao lại cho gia đình bà Quách Thị H là không có căn cứ.

Ngoài ra, ông P đề nghị hủy Quyết định 317/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông P.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông P; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của ông Phạm Văn P trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã Q được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông P: Người khởi kiện thừa nhận diện tích đất 1.032m² là đất của gia đình bà H, do gia đình bà H đi Miền Nam sinh sống. Do đó, gia đình ông P làm đơn xin đất và năm 1994, Ủy ban nhân dân xã Q đã duyệt cấp cho gia đình ông P 300m² đất ở, diện tích còn lại thì tạm giao cho gia đình ông P quản lý sản xuất và nộp thuế hành năm theo quy định về việc sử dụng đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã giao đất cho gia đình ông P mà không ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình của bà H là không đúng với Luật đất đai năm 1993.

Trong quá trình giải quyết việc gia đình bà H đòi lại diện tích đất nêu trên, thì bà H đồng ý không đòi lại 300m² đất ở mà năm 1994, Ủy ban nhân dân xã Q giao cho gia đình ông P.

Theo Công văn số 1070/UBND-TNMT ngày 28/8/2015 của UBND huyện T thì gia đình ông P được sử dụng 300m² đất ở được giao năm 1994, còn lại trả lại cho gia đình bà H; Ông P không đồng ý với Công văn nêu trên và đã khiếu nại; Ngày 24/02/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 317/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông P.

Tại Quyết định số 985/QĐ- UBND ngày 10/5/2017 “về việc thu hồi đất ông Phạm Văn P, xóm A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa”, nội dung: Thu hồi một phần diện tích 686,9m² tại tờ bản đồ số 29, thửa đất số 522 của hộ ông Phạm Văn P, xóm A xã Q, huyện T giao lại cho gia đình bà Quách Thị H là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía gia đình ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào đơn kháng cáo, tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo chỉ có chữ ký của ông Phạm Văn P và biên lai thu tạm ứng án phí chỉ có ông P nộp. Do đó, người có kháng cáo là ông

Phạm Văn P và kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Năm 2017, ông Phạm Văn P và bà Ninh Thị D khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 317/UBND-QĐ ngày 24/02/2017 và Quyết định số 985/UBND-QĐ ngày 10/5/2017 của UBND huyện T nên vụ án được thụ lý và giải quyết sơ thẩm tại Tòa án cấp tỉnh là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ủy ban nhân huyện T và Ủy ban nhân dân xã Q được triệu tập lần 02 nhưng đều vắng mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính thì xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phạm Văn P và Ninh Thị D yêu cầu hủy Quyết định số 985/UBND-QĐ ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T “về việc thu hồi đất” của ông Phạm Văn P và Quyết định số 317/UBND-QĐ ngày 24/02/2017 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông P đối với Văn bản số 1070/UBND-TNMT ngày 28/8/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T.

[2.2] Thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi thì theo tài liệu về việc giải quyết khiếu nại, thu hồi đất của UBND huyện T và lời trình bày của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định nguồn gốc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29 là của gia đình bà H, được ghi nhận trong bản đồ 299 là thửa đất số 53, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.100m² đất thổ cư. Quá trình sử dụng đất, do cả gia đình bà H đi làm ăn xa, không sử dụng đất nên năm 1994, ông Phạm Văn L là bố đẻ ông P làm đơn xin đất ở làm nhà cho ông P. Ngày 31/3/1994, UBND xã Q duyệt cấp cho gia đình ông P 300m² đất ở tại vị trí thửa đất của bà H, diện tích còn lại tạm giao cho gia đình quản lý sản xuất nộp thuế hàng năm cho nhà nước. Sau khi được cấp đất, ông P đã nộp lệ phí sử dụng đất cho UBND xã và sử dụng toàn bộ thửa đất của bà H. Tuy nhiên, mặc dù ông P đã được UBND xã Q duyệt cấp đất và nộp lệ phí sử dụng đất cho UBND xã. Nhưng việc UBND xã Q duyệt cấp cho ông P quyền sử dụng thửa đất của bà H, khi cơ quan có thẩm quyền chưa thu hồi đất của bà H là không đúng quy định tại các Điều 21, 23, 25 Luật đất đai năm 1993. Mặt khác, ngày 03/02/1994 UBND xã Q chỉ duyệt cấp cho gia đình ông P 300m² đất ở, diện tích còn lại giao cho gia đình ông P quản lý sản xuất và nộp thuế hàng năm, sau khi xảy ra tranh chấp bà H đồng ý để lại diện tích đất ở 300m² cho ông P tiếp tục sử dụng, bà chỉ yêu cầu lấy lại diện tích đất trước đây UBND xã tạm giao cho ông P quản lý để gia đình bà sử dụng. Như vậy, việc UBND huyện T ban hành Quyết định 985 về việc thu hồi một phần diện tích đất ông P đang sử dụng để giao cho bà H là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất.

[2.3] Do đó, yêu cầu của ông P và bà D về việc hủy Quyết định số 317/UBND-QĐ ngày 24/02/2017 và Quyết định số 985/UBND-QĐ ngày 10/5/2017 của UBND huyện T không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ngoài ra, ông P và bà D cho rằng việc thu hồi đất theo Quyết định số 985/ UBND-QĐ là không triệt để vì không xem xét việc bồi thường trên đất cho gia đình ông P. Đồng thời, ông P cho rằng nếu UBND huyện T thu hồi đất của gia đình ông thì phải cấp cho gia đình ông diện tích đất tương ứng để bù lại, vì gia đình ông đã có quyền sử dụng đất hợp pháp từ năm 1994. Tuy nhiên, việc duyệt cấp đất cho ông P của UBND xã Q không đúng với các quy định của pháp luật nên gia đình ông P chưa có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 522. Quyết định số 985 của UBND huyện T giao cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, nhưng chưa tổ chức thực hiện nên chưa phát sinh việc bồi thường các tài sản trên đất (nếu có). Do đó, đề nghị này của phía gia đình ông P không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông P cũng như đề nghị của NBV cho ông P, bà D và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án của Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã Q chưa đầy đủ cần rút kinh nghiệm.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo của ông P, nên ông P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn P; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số xxxxxx ngày 28/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Văn Hưng